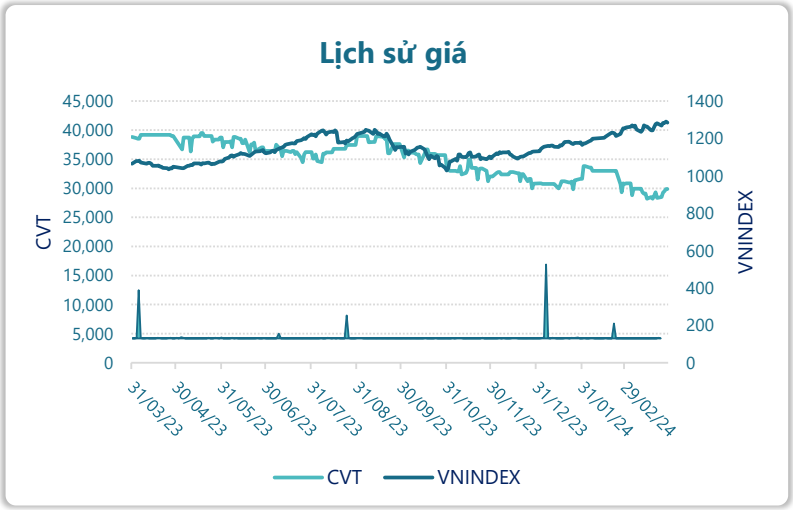
FireAnt

CTCP CMC (HSX: CVT)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,200
SL cổ phiếu LH	36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)	43,235
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,095
P/E	18.9
EPS	1,575

DT thuần

Q1/24

295

tỷ VNĐ

QoQ: ▼142| -32.5%

YoY: ▼62.0| -17.4%

LN sau thuế

Q1/24

17.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.9| 225%

YoY: ▲ 17.2| 3373%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

14.0%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2023

1,832

tỷ VNĐ

YoY: ▼190| -9.4%

LN sau thuế

2023

40.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼54.3| -57.2%

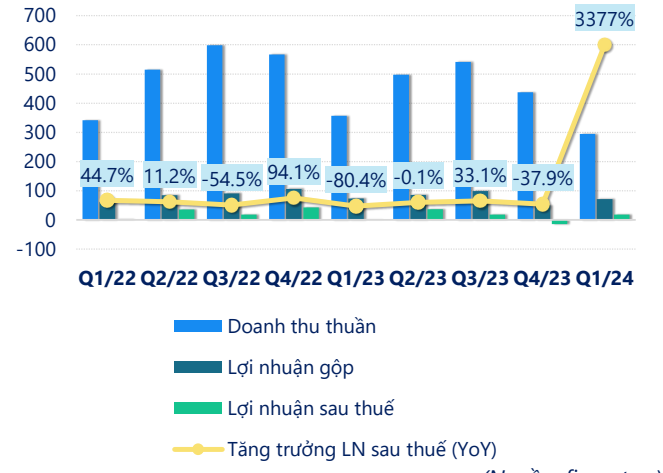
ROE

2023

4.6%

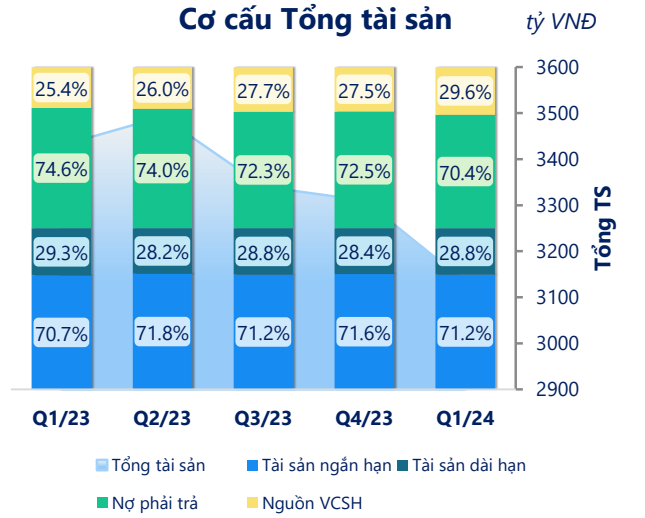
+/- YoY: ▼ 7.0%

Kết quả kinh doanh



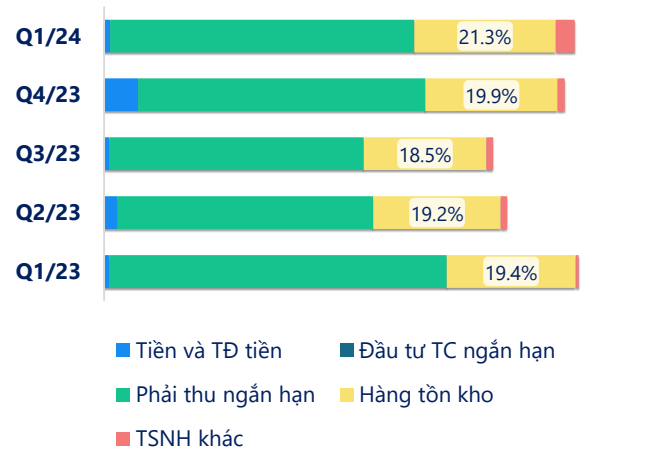
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



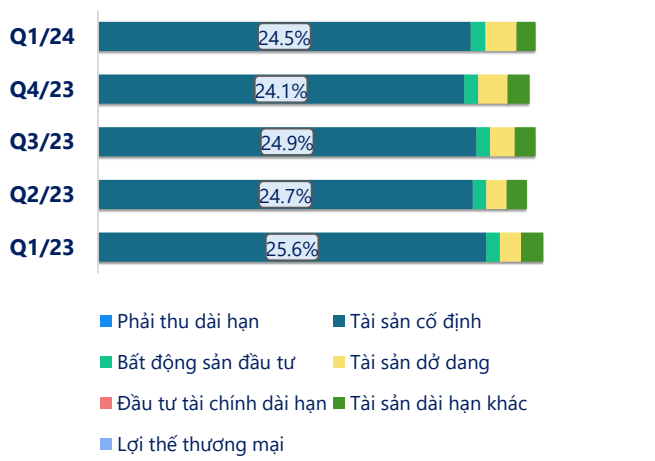
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



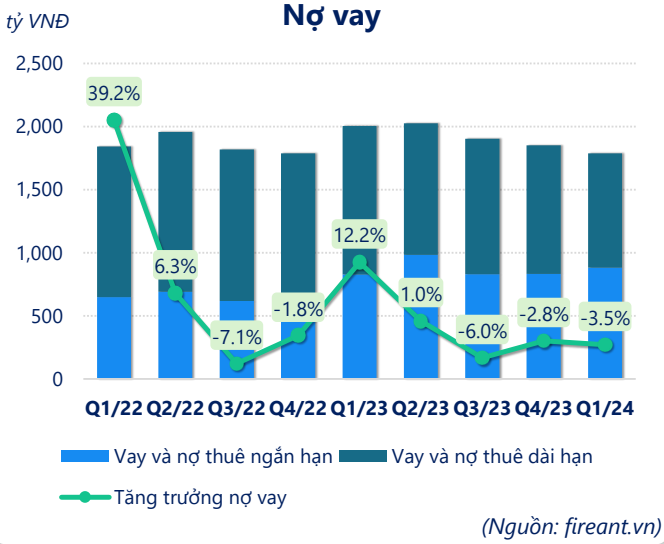
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



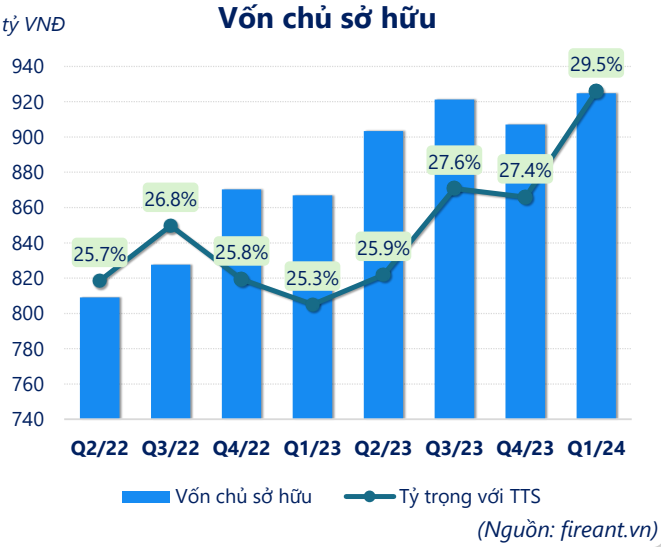
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



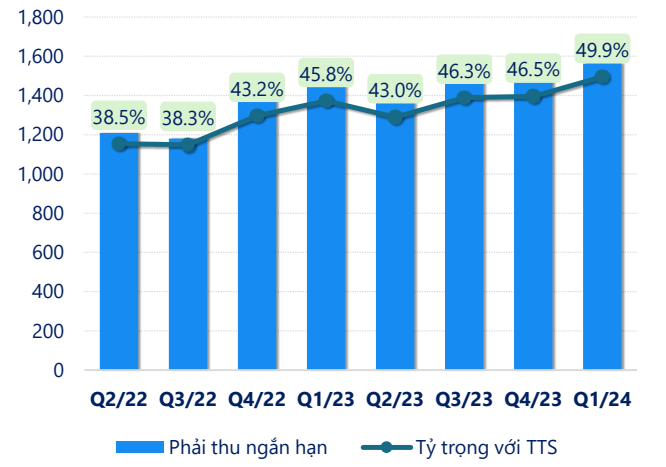
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



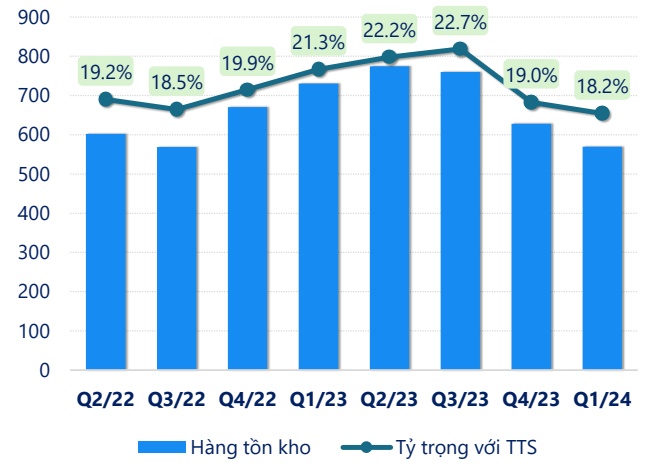
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



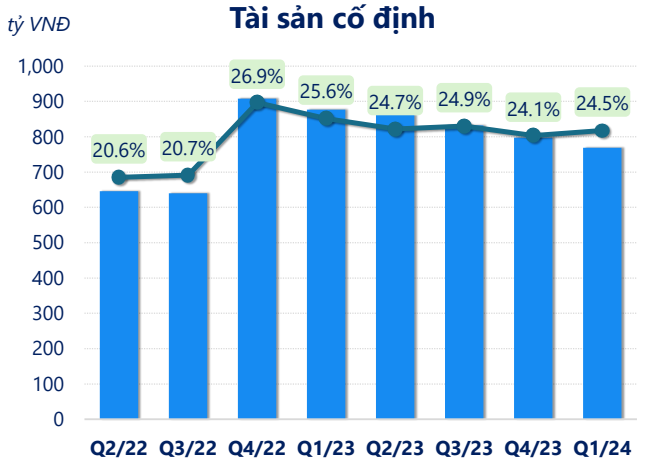
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



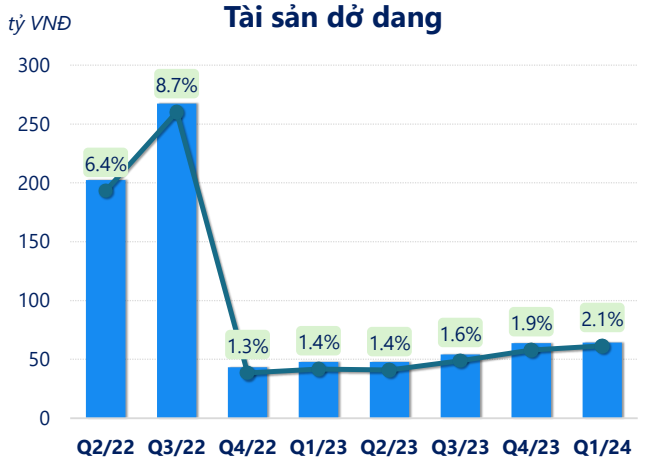
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



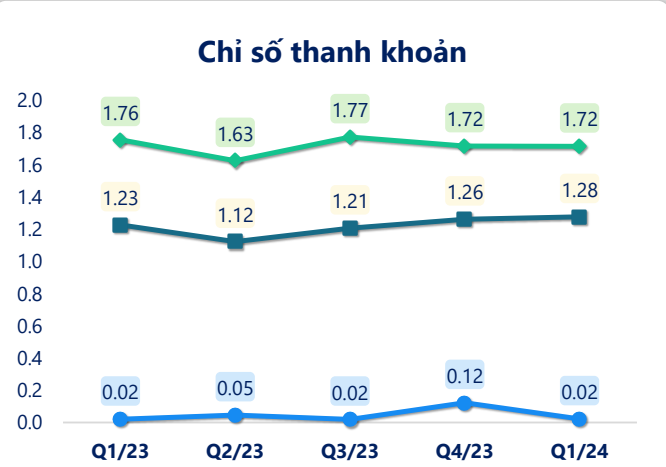
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



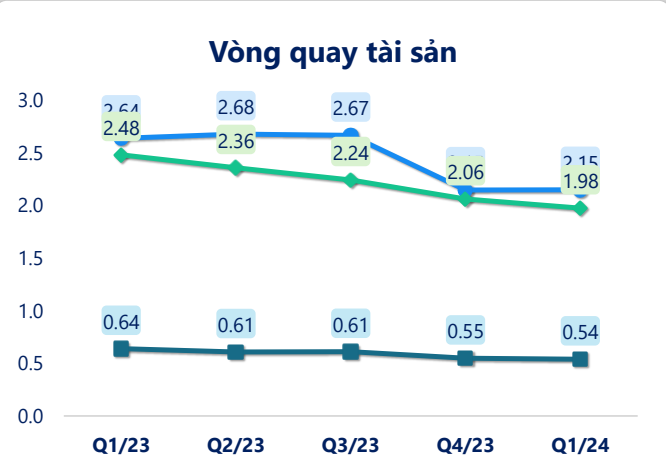
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**3,430**	**3,492**	**3,341**	**3,310**	**3,134**
Tài sản ngắn hạn	**2,424**	**2,506**	**2,378**	**2,370**	**2,232**
Tiền và tương đương tiền	26.8	71.2	25.7	169	28.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	100	0	24.8	37.6
Phải thu ngắn hạn	1,569	1,501	1,547	1,539	1,563
Hàng tồn kho	731	774	760	628	570
Tài sản ngắn hạn khác	97.5	58.8	45.7	8.63	33.2
Tài sản dài hạn	**1,005**	**986**	**962**	**940**	**903**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	876	861	832	798	769
Bất động sản đầu tư	30.7	30.7	30.2	30.7	30.1
Tài sản dở dang	47.7	47.7	54.3	63.9	64.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	50.5	46.6	45.8	47.9	39.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,558**	**2,584**	**2,415**	**2,398**	**2,205**
Nợ ngắn hạn	**1,381**	**1,541**	**1,341**	**1,380**	**1,301**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	828	983	831	833	882
Phải trả người bán ngắn hạn	347	362	331	285	229
Nợ dài hạn	1,177	1,043	1,073	1,018	904
Vay và nợ thuê dài hạn	1,177	1,043	1,073	1,018	904
Nguồn vốn chủ sở hữu	**872**	**908**	**926**	**912**	**929**
Vốn chủ sở hữu	**867**	**903**	**921**	**907**	**925**
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	5.06	4.86	4.66	4.45	4.25

(Nguồn: fireant.vn)